BỘ CÔNG AN
BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN

Số: 1107 /QĐ-YHCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm cung ứng vị thuốc để sản xuất thuốc thành phẩm phục vụ bệnh nhân dịch vụ thực hiện tại Bệnh viện Y học cổ truyền

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 102/2026/TT-BCA ngày 25/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về đầu tư, mua sắm trong công an nhân dân ;

Căn cứ Quyết định số 1094 /QĐ-YHCT ngày 27/08/2026 về việc phê duyệt dự toán cung ứng vị thuốc để sản xuất thuốc thành phẩm phục vụ bệnh nhân dịch vụ thực hiện tại Bệnh viện Y học cổ truyền;

Căn cứ báo cáo thẩm định số 04/BC-TTĐ ngày 22/9/2026 của tổ thẩm định về việc thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm cung ứng vị thuốc để sản xuất thuốc thành phẩm phục vụ bệnh nhân dịch vụ thực hiện tại Bệnh viện Y học cổ truyền;

Theo đề nghị của Tổ chuyên gia tại tờ trình số 11/TTr-TCG ngày 23/09 /2026 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm cung ứng vị thuốc để sản xuất thuốc thành phẩm phục vụ bệnh nhân dịch vụ thực hiện tại Bệnh viện Y học cổ truyền.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm cung ứng vị thuốc để sản xuất thuốc thành phẩm phục vụ bệnh nhân dịch vụ thực hiện tại

Được quét bằng CamScanner

Bệnh viện Y học cổ truyền với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Tổ chuyên gia, tổ thẩm định và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổ chuyên gia, tổ thẩm định và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT,TCG,TTĐ.

GIÁM ĐỐC

Đại tá Nguyễn Thanh Vân

Được quét bằng CamScanner

Phụ lục 1

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

DỰ TOÁN MUA SẮM CUNG ỨNG VỊ THUỐC ĐỂ SẢN XUẤT THUỐC THÀNH PHẨM PHỤC VỤ BỆNH NHÂN DỊCH VỤ THỰC HIỆN TẠI BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN

(Kèm theo Quyết định số 1107/QĐ-YHCT ngày 29 /9/2026)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (VNĐ)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	*Tóm tắt công việc chính của gói thầu*									
1	Bệnh viện Y học cổ truyền – Bộ Công an	Cung ứng vị thuốc để sản xuất thuốc thành phẩm phục vụ bệnh nhân dịch vụ thực hiện tại Bệnh viện Y học cổ truyền	Mua vị thuốc	272.190.245	Nguồn thu dịch vụ khám chữa bệnh	Chào giá trực tuyến rút gọn		45 ngày	Quý IV năm 2026	Hợp đồng theo đơn giá cố định	90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Không áp dụng
Tổng giá gói thầu				272.190.245								
(Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi hai triệu, một trăm chín mươi nghìn, hai trăm bốn mươi năm đồng)												
Giá gói thầu đã bao gồm thuế VAT và các loại phí theo quy định.												

Được quét bằng CamScanner

Phụ lục

DANH MỤC VỊ THUỐC

(Kèm theo Quyết định số 1107/QĐ-YHCT ngày 29 / 9 /2026)

STT	Tên vị thuốc	Tên khoa học	Tiêu chuẩn chất lượng	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế hoặc phương pháp chế biến	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá gồm VAT	Thành tiền VNĐ
1	Bạch chỉ	Radix Angelicae dahuricae	DĐVN V hoặc TCCS hoặc tương đương	Rễ	Loại tạp, rửa sạch, ủ mềm, thái lát, phơi hoặc sấy khô	2	kg	8,5	339.150	2.882.775
2	Bạch linh	Poria	DĐVN V hoặc TCCS hoặc tương đương	Thể quả nấm	Rửa sạch, ngâm hoặc ủ mềm, gọt bỏ vỏ bên ngoài, thái phiến và bỏ phần lõi sau đó phơi hoặc sấy khô	2	kg	7,5	283.500	2.126.250
3	Bạch thược	Radix Paeoniae lactiflorae	DĐVN V hoặc TCCS hoặc tương đương	Rễ	Loại tạp, rửa sạch, thái phiến và phơi sấy khô	2	kg	24,5	378.000	9.261.000
4	Bạch truật	Rhizoma Atractylodis macrocephalae	DĐVN V hoặc TCCS hoặc tương đương	Thân rễ	Loại tạp, rửa sạch, thái phiến và phơi sấy khô	2	kg	19	479.850	9.117.150
5	Cam thảo	Radix Glycyrrhizae	DĐVN V hoặc TCCS hoặc tương đương	Rễ và thân rễ	Loại tạp, rửa sạch, thái phiến và phơi sấy khô	2	kg	10	357.000	3.570.000
6	Cát cánh	Radix Platycodi grandiflori	DĐVN V hoặc TCCS hoặc tương đương	Rễ	Loại tạp, rửa sạch, thái phiến và phơi sấy khô	2	kg	11	367.500	4.042.500
7	Cát căn	Radix Puerariae thomsonii	DĐVN V hoặc TCCS hoặc tương đương	Rễ củ	Loại tạp, rửa sạch, thái phiến và phơi sấy khô	2	kg	1	323.000	323.000

Được quét bằng CamScanner

STT	Tên vị thuốc	Tên khoa học	Tiêu chuẩn chất lượng	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế hoặc phương pháp chế biến	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá gồm VAT	Thành tiền VNĐ
8	Chỉ xác	Fructus Aurantii	DĐVN V hoặc TCCS hoặc tương đương	Quả chưa chín	Loại bỏ tạp chất, rửa sạch, ủ mềm, nạo bỏ ruột, hạt, thái lát ngang, phơi hoặc sấy khô	2	kg	11	157.500	1.732.500
9	Đảng sâm	Radix Codonopsis	DĐVN V hoặc TCCS hoặc tương đương	Rễ	Loại tạp, rửa sạch, thái phiến và phơi sấy khô	2	kg	20,5	609.000	12.484.500
10	Dây đau xương	Caulis Tinosporae tomentosae	DĐVN V hoặc TCCS hoặc tương đương	Thân	Loại tạp, rửa sạch, thái phiến và phơi sấy khô	2	kg	6,5	105.000	682.500
11	Diệp hạ châu	Herba Phyllanthi urinariae	DĐVN V hoặc TCCS hoặc tương đương	Toàn cây	Cắt đoạn, rửa sạch, phơi hoặc sấy khô	2	kg	135	132.300	17.860.500
12	Đinh lăng	Radix Polysciacis	DĐVN V hoặc TCCS hoặc tương đương	Rễ	rửa sạch, thái lát, phơi khô.	2	kg	324	228.900	74.163.600
13	Đương quy	Radix Angelicae sinensis	DĐVN V hoặc TCCS hoặc tương đương	Rễ	Rửa sạch, thái phiến mỏng, phơi hoặc sấy khô	2	kg	24,5	483.000	11.833.500
14	Hà thủ ô	Radix Fallopiae multiflorae praeparata	DĐVN V hoặc TCCS hoặc tương đương	Rễ củ	Chế đậu đen	2	kg	13,5	352.000	4.752.000

Được quét bằng CamScanner

STT	Tên vị thuốc	Tên khoa học	Tiêu chuẩn chất lượng	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế hoặc phương pháp chế biến	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá gồm VAT	Thành tiền VNĐ
15	Hoài sơn	Tuber Dioscoreae persimilis	DĐVN V hoặc TCCS hoặc tương đương	Rễ củ	Rửa sạch, thái phiến mỏng, phơi hoặc sấy khô	2	kg	71,5	204.750	14.639.625
16	Hoàng cầm	Radix Scutellariae	DĐVN V hoặc TCCS hoặc tương đương	Rễ	Rửa sạch, thái phiến mỏng, phơi hoặc sấy khô	2	kg	11	525.000	5.775.000
17	Hoàng kỳ	Radix Astragali membranacei	DĐVN V hoặc TCCS hoặc tương đương	Rễ	Rửa sạch, thái phiến mỏng, phơi hoặc sấy khô	2	kg	22	273.000	6.006.000
18	Huyền sâm	Radix Scrophulariae	DĐVN V hoặc TCCS hoặc tương đương	Rễ	Rửa sạch, ủ mềm, thái lát phơi khô	2	kg	11	262.500	2.887.500
19	Huyết giác	Lignum Dracaenae cambodianae	DĐVN V hoặc TCCS hoặc tương đương	Lõi gỗ	Thái lát, phơi hay sấy khô	2	kg	7	498.750	3.491.250
20	Hy thiêm	Herba Siegesbeckiae	DĐVN V hoặc TCCS hoặc tương đương	Bộ phận trên mặt đất	Rửa sạch, thái phiến, phơi hoặc sấy khô	2	kg	13,5	105.000	1.417.500
21	Mẫu đơn bì	Cortex Paeoniae suffruticosae	DĐVN V hoặc TCCS hoặc tương đương	Vỏ rễ	Rửa sạch, thái phiến, phơi hoặc sấy khô	2	kg	7,5	651.000	4.882.500

Được quét bằng CamScanner

STT	Tên vị thuốc	Tên khoa học	Tiêu chuẩn chất lượng	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế hoặc phương pháp chế biến	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá gồm VAT	Thành tiền VNĐ
22	Mộc hương	Radix Saussureae lappae	DĐVN V hoặc TCCS hoặc tương đương	Rễ	Cắt thành khúc dài 5 - 15 cm, phơi trong bóng râm hoặc sấy ở nhiệt độ thấp đến khô	2	kg	8,5	435.750	3.703.875
23	Ngũ gia bì chân chim	Cortex Schefflerae heptaphyllae	DĐVN V hoặc TCCS hoặc tương đương	Vỏ thân, vỏ cành	Vỏ rửa sạch, cắt thành từng đoạn ngắn, đồ mềm, thái miếng phơi khô	2	kg	7	105.000	735.000
24	Ngưu tất	Radix Achyranthis bidentatae	DĐVN V hoặc TCCS hoặc tương đương	Rễ	Rửa sạch, thái phiến, phơi hoặc sấy khô	2	kg	12	231.000	2.772.000
25	Phá cố chỉ	Fructus Psoraleae corylifoliae	DĐVN V hoặc TCCS hoặc tương đương	Quả	Rửa sạch, thái phiến, phơi hoặc sấy khô	2	kg	16,5	186.900	3.083.850
26	Sơn thù	Fructus Corni officinalis	DĐVN V hoặc TCCS hoặc tương đương	Quả	Nhặt sạch tạp chất, lấy quả khô, bỏ hạt là được	2	kg	9,5	451.500	4.289.250
27	Sơn tra	Fructus Mali	DĐVN V hoặc TCCS hoặc tương đương	Quả	Rửa sạch, thái phiến, phơi hoặc sấy khô	2	kg	11	121.800	1.339.800
28	Tam thất	Radix Panasus notoginseng	DĐVN V hoặc TCCS hoặc tương đương	Rễ củ	Rửa sạch Tam thất, phơi hoặc sấy khô 50 – 70 °C	2	kg	27	1.496.250	40.398.750

Được quét bằng CamScanner

STT	Tên vị thuốc	Tên khoa học	Tiêu chuẩn chất lượng	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế hoặc phương pháp chế biến	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá gồm VAT	Thành tiền VNĐ
29	Thiên niên kiện	Rhizoma Homalomenae occulatae	DĐVN V hoặc TCCS hoặc tương đương	Thân rễ	Rửa sạch, thái phiến, phơi hoặc sấy khô	2	kg	6	208.000	1.248.000
30	Thổ phục linh	Rhizoma Smilacis glabrae	DĐVN V hoặc TCCS hoặc tương đương	Thân rễ	Loại bỏ tạp chất, rửa sạch, ủ mềm, thái lát mỏng, phơi hoặc sấy khô	2	kg	10	220.500	2.205.000
31	Thục địa	Radix Rehmanniae glutinosae preparata	DĐVN V hoặc TCCS hoặc tương đương	Rễ củ	Chế với sa nhân, gừng tươi và rượu trắng từ sinh địa	2	kg	19	341.250	6.483.750
32	Thương nhĩ tử	Fructus Xanthii strumarii	DĐVN V hoặc TCCS hoặc tương đương	Quả	Sấy khô	2	kg	9,5	176.610	1.677.795
33	Trạch tả	Rhizoma Alismatis	DĐVN V hoặc TCCS hoặc tương đương	Thân rễ	Rửa sạch, thái phiến, phơi hoặc sấy khô	2	kg	7,5	190.050	1.425.375
34	Trần bì	Pericarpium Citri reticulatae perenne	DĐVN V hoặc TCCS hoặc tương đương	Vỏ quả	Rửa sạch, thái chỉ, phơi hoặc sấy khô	2	kg	8,5	94.500	803.250
35	Xạ can	Rhizoma Belamcandae	DĐVN V hoặc TCCS hoặc tương đương	Thân rễ	Rửa sạch, ủ mềm, thái lát phơi khô	2	kg	11	525.000	5.775.000

Được quét bằng CamScanner

STT	Tên vị thuốc	Tên khoa học	Tiêu chuẩn chất lượng	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế hoặc phương pháp chế biến	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá gồm VAT	Thành tiền VNĐ
36	ý dĩ	Semen Coicis	DĐVN V hoặc TCCS hoặc tương đương	Hạt	Loại bỏ tạp chất, rửa sạch, phơi, sấy khô	2	kg	23	100.800	2.318.400
										272.190.245
(Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi hai triệu, một trăm chín mươi nghìn, hai trăm bốn mươi năm đồng)										
Tổng số: 36 khoản										

Được quét bằng CamScanner